Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 0208.60.00

Mã HS	0208.60.00
Mô tả hàng hóa	Thịt và phụ phẩm dạng thịt ăn được sau giết mổ của động vật khác, tươi, ướp lạnh hoặc đông lạnh / - Của lạc đà và họ lạc đà (Camelidae)
Đơn vị	kg
Thời điểm tạo	03/11/2026 07:55:38
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/02086000/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	7.5	7,5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K204
Thuế NK ưu đãi (MFN)	5	5%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N204
Thuế GTGT (VAT)	*/5/8/10	* / 5 / 8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q204
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0,6	0,6%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0,6	0,6%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	5	5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E201
ATIGA	2022	2022	0	AT!E202
ATIGA	2023	2023	0	AT!F202
ATIGA	2024	2024	0	AT!G202
ATIGA	2025	2025	0	AT!H202
ATIGA	2026	2026	0	AT!I202
ATIGA	2027	2027	0	AT!J202
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E204
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F204

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G204
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H204
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I204
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J204
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E202
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F202
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G202
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H202
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I202
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J202
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F202
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H201
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F204
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G204
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H204
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I204
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J204
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K204
VKFTA	2022	2022	0	VK!E202
VKFTA	2023	2023	0	VK!F202
VKFTA	2024	2024	0	VK!G202
VKFTA	2025	2025	0	VK!H202
VKFTA	2026	2026	0	VK!I202
VKFTA	2027	2027	0	VK!J202
VCFTA	2022	2022	0	VC!D203
VCFTA	2023	2023	0	VC!E203

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F203
VCFTA	2025	2025	0	VC!G203
VCFTA	2026	2026	0	VC!H203
VCFTA	2027	2027	0	VC!I203
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D204
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E204
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F204
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G204
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H204
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I204
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D203
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E203
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F203
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G203
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H203
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I203
EVFTA	2022	2022	3,1	EV-NK!D201
EVFTA	2023	2023	2,5	EV-NK!E201
EVFTA	2024	2024	1,8	EV-NK!F201
EVFTA	2025	2025	1,2	EV-NK!G201
EVFTA	2026	2026	0,6	EV-NK!H201
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I201
UKVFTA	2022	2022	3,1	UKV!D203
UKVFTA	2023	2023	2,5	UKV!E203
UKVFTA	2024	2024	1,8	UKV!F203
UKVFTA	2025	2025	1,2	UKV!G203

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0,6	UKV!H203
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I203
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	1,6	CPTPP!D203
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0,8	CPTPP!E203
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F203
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G203
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H203
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I203
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J203
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D202
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E202
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F202
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G202
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H202
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I202
RCEP B	2022	2022	0	B!D202
RCEP B	2023	2023	0	B!E202
RCEP B	2024	2024	0	B!F202
RCEP B	2025	2025	0	B!G202
RCEP B	2026	2026	0	B!H202
RCEP B	2027	2027	0	B!I202
RCEP C	2022	2022	0	C!D202
RCEP C	2023	2023	0	C!E202
RCEP C	2024	2024	0	C!F202
RCEP C	2025	2025	0	C!G202
RCEP C	2026	2026	0	C!H202

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I202
RCEP D	2022	2022	0	D!D202
RCEP D	2023	2023	0	D!E202
RCEP D	2024	2024	0	D!F202
RCEP D	2025	2025	0	D!G202
RCEP D	2026	2026	0	D!H202
RCEP D	2027	2027	0	D!I202
RCEP E	2022	2022	0	E!D202
RCEP E	2023	2023	0	E!E202
RCEP E	2024	2024	0	E!F202
RCEP E	2025	2025	0	E!G202
RCEP E	2026	2026	0	E!H202
RCEP E	2027	2027	0	E!I202
RCEP F	2022	2022	0	F!D202
RCEP F	2023	2023	0	F!E202
RCEP F	2024	2024	0	F!F202
RCEP F	2025	2025	0	F!G202
RCEP F	2026	2026	0	F!H202
RCEP F	2027	2027	0	F!I202
VIFTA	2024	2024	5	VI!F188
VIFTA	2025	2025	5	VI!G188
VIFTA	2026	2026	5	VI!H188
VIFTA	2027	2027	5	VI!I188

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
DOC-003	YELLOW	Kiểm dịch	Chính sách mặt hàng: Động vật, sản phẩm động vật trên cạn phải kiểm dịch (01/2024/TT-BNNPTNT M1)		01/2024/TT-BNNPTNT	Đăng ký kiểm dịch động/thực vật theo quy định.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
DOC-004	YELLOW	Chính sách mặt hàng khác	HH là mẫu vật động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và động vật thuộc các phụ lụcCITES (17/2023/TT-BNNPTNT)		17/2023/TT-BNNPTNT	Đọc văn bản được dẫn chiếu.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
FTA-013	YELLOW	Thuế FTA không thấp hơn MFN	VIFTA 5%: thuế suất ưu đãi đặc biệt bằng hoặc cao hơn thuế MFN (5%) theo biểu nguồn – áp dụng FTA không mang lại tiết kiệm.	MFN 5%		Cân nhắc áp dụng thuế MFN (nếu nước xuất xứ đáp ứng điều kiện MFN) thay vì chuẩn bị chứng từ xuất xứ FTA.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “*/5/8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 0208.60.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 5% của mã 0208.60.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N204), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
HH là mẫu vật động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và động vật thuộc các phụ lụcCITES (17/2023/TT-BNNPTNT)
Động vật, sản phẩm động vật trên cạn phải kiểm dịch (01/2024/TT-BNNPTNT M1)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.